

ĐỀ LUYỆN SỐ 1

Môn: Ngữ văn lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Trần trần mưa cây những ta lành,
Phúc họa tình cờ xảy chữa lành.
Miệng thế nhọn hơn chông mác nhọn,
Lòng người quanh nĩa nước non quanh.
Chẳng ngựa nhỏ âu nên lớn,
Nếu có sâu thì bỏ canh.
Ở thế an nhàn chẳng có sự,
Ngàn muôn tổn nhượng chớ đua tranh.*

(Bảo kính cảnh giới bài 9, Đào Duy Anh, Nguyễn Trãi toàn tập, NXB Khoa học xã hội, 1976)

Chú thích:

- Trần trần: Tự nhiên, chất phác, ý chỉ lối sống có sao là vậy
- Mưa: chớ đừng – mưa cây: Đừng ý vào, đừng cây vào
- Tổn: từ tổn; nhượng: khiêm nhượng – ngàn muôn tổn nhượng: Muôn đời sống từ tổn, khiêm nhượng

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Thể thơ của bài thơ trên là:

- | | |
|----------------------------------|-----------------------------|
| A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật | B. Thất ngôn xen lục ngôn |
| C. Thất ngôn bát cú Đường luật | D. Thơ trường thiên bảy chữ |

Câu 2. Vần “anh” được gieo ở các câu nào?

- A. 1 – 2 – 4 – 6
B. 1 – 2 – 4 – 6 – 8
C. 1 – 3 – 5 – 7

D. 1 – 2 – 3 – 4 – 6

Câu 3. Xác định bố cục của bài thơ trên:

- A. Đề - Thực – Luận – Kết
- B. Bốn câu đầu – Bốn câu sau
- C. Hai câu đầu – Sáu câu sau
- D. Sáu câu đầu – Hai câu sau

Câu 4. Hai câu thơ sau sử dụng những biện pháp tu từ gì?

Miếng thế nhọn hơn chông mác nhọn,

Lòng người quanh nĩa nước non quanh.

- A. Phép đối – Phép điệp – Nhân hóa – Hoán dụ - Liệt kê
- B. Phép đối – So sánh – Nhân hóa - Ẩn dụ - Hoán dụ
- C. Phép đối – Phép điệp – So sánh – Nhân hóa - Ẩn dụ
- D. Phép đối – So sánh – Nhân hóa – Hoán dụ - Liệt kê

Câu 5. Hai câu thơ sau có thể hiểu như thế nào?

Chẳng ngừa nhỏ ầu nên lớn,

Nếu có sâu thì bỏ canh.

- A. Không đề phòng lúc bé, không thể lớn lên được, bát canh có sâu thì ắt phải bỏ đi.
- B. Tu chí khi nhỏ thì mới có thể thành người, chỉ cần sai phạm thì đều là thứ bỏ đi.
- C. Lúc nhỏ không đề phòng, không thể làm việc lớn, đã mắc sai phạm thì đều là thứ bỏ đi.
- D. Lúc nhỏ không rèn luyện, tu chí, không thành người khi lớn lên, bát canh có sâu thì ắt phải bỏ đi.

Câu 6. Nội dung chính của bài thơ trên là gì?

- A. Những chiêm nghiệm về đời, về người và thái độ đề cao lối sống an nhàn, không bon chen của Nguyễn Trãi.
- B. Lời khuyên về lối sống không bon chen, an nhàn trước thế sự của Nguyễn Trãi.
- C. Thái độ sống an nhàn, hưởng lạc không bon chen thế sự của Nguyễn Trãi.

D. Lời phê phán lòng người và miệng đời, thái độ sống an nhàn không bon chen của Nguyễn Trãi.

Câu 7. Theo em, cảm hứng chủ đạo của bài thơ trên là gì?

A. Lí tưởng về cuộc sống tốt đẹp và những con người tốt đẹp sự lo sợ của Nguyễn Trãi trước lòng người đen bạc của xã hội đương thời.

B. Phê phán lối sống đen bạc của xã hội đương thời.

C. Khát khao rèn luyện các lí tưởng cao đẹp và phê phán lối sống đen bạc của xã hội đương thời.

D. Đề cao lối sống an nhàn và tránh xa sự bon chen của xã hội đương thời.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Phân tích giá trị biểu đạt của các biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

Miệng thế nhọn hơn chông mác nhọn,

Lòng người quanh nĩa nước non quanh.

Câu 9. Cảm nhận của em về hai câu thơ:

Ở thế an nhàn chẳng có sự,

Ngàn muôn tổn nhượng chớ đua tranh.

Câu 10. Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày quan điểm của mình về vấn đề: *Để không bị ngã nghiêng trước những lời phán xét của người khác!*

II. VIẾT (4.0 điểm)

Dựa vào nội dung của văn bản trên và những hiểu biết về thơ văn Nguyễn Trãi, em hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá bài thơ “Bảo kính cảnh giới bài số 9” của Nguyễn Trãi

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	A	0.5
	2	B	0.5

3	A	0.5
4	C	0.5
5	B	0.5
6	A	0.5
7	A	0.5
8	<p><i>Miệng thế nhọn hơn chông mác nhọn,</i></p> <p><i>Lòng người quanh nũa nước non quanh.</i></p> <p>- Phép đối: Miệng thế nhọn – Lòng người quanh/ chông mác nhọn – nước non quanh</p> <p>- Phép điệp: Nhọn, quanh</p> <p>- So sánh: Miệng thế nhọn hơn chông mác nhọn/ Lòng người quanh nũa nước non quanh</p> <p>- Ẩn dụ: Chông mác nhọn – Lời nói sắc bén, Nước non quanh – Không thẳng thắn, chính trực</p> <p>→ Chiêm nghiệm về đời về người, miệng đời thế gian và lòng người không phải ai cũng thẳng thắn, chính trực, đôi khi cũng như lưỡi chông mác sắc bén có thể gây tổn thương, đau đớn cho chúng ta.</p>	0.5
9	<p><i>Ở thế an nhàn chẳng có sự,</i></p> <p><i>Ngàn muôn tổn nhượng chớ đua tranh.</i></p> <p>Lối sống an nhàn, tránh bon chen thế sự, không bon chen sự đời mà tận hưởng cuộc sống tu chí của riêng mình.</p>	1.0
10	Học sinh đưa ra suy nghĩ của mình về vấn đề: Tin tưởng vào chính mình, không nên bị ảnh hưởng bởi những lời phán xét đến con người và bản chất thiện lương, tốt đẹp của mình. Những lời phán xét nếu để hạ bệ chúng ta thì ta càng cần mạnh mẽ để vượt qua và sống với lí tưởng, niềm tin của mình.	1.0
II	VIẾT	4.0
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học</i>	0.25

	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i></p> <p>Phân tích nội dung và nghệ thuật trong bài thơ Bảo kính cảnh giới số 9</p>	0.5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được tác giả, tác phẩm và các nét đặc sắc trong bài thơ</p> <p>- Sau đây là một hướng gợi ý:</p> <p><i>Về nội dung: Phân tích theo bố cục Đề - Thực – Luận – Kết sau đó chỉ ra ý nghĩa của bài thơ</i></p> <p>+ Trần trần mưa cây những ta lành, Phúc hoạ tình cờ xảy chữa đàn.</p> <p>Mưa” là chớ, đừng. “Trần trần” là bẩm sinh chất phác, tự nhiên như thế. Đừng cây mình đang an lành hạnh phúc mà phải biết đề phòng những bất trắc.</p> <p>+ Miệng thể nhọn hơn chông mác nhọn, Lòng người quanh nứa nước non quanh.</p> <p>Lí do cần đề phòng bất trắc, dù bản thân có ngay thẳng, chất phác nhưng miệng thể gian và lòng người là những điều khó đoán định</p> <p>+ Chẳng ngừa nhỏ âu nên lớn, Nếu có sâu thì bỏ canh.</p> <p>Tu chí khi nhỏ thì mới có thể thành người, chỉ cần sai phạm thì đều là thứ bỏ đi.</p> <p>+ Ở thế an nhàn chẳng có sự, Ngàn muôn tổn nhượng chớ đua tranh.</p> <p>Những chiêm nghiệm về đời, về người và thái độ đề cao lối sống an nhàn, không bon chen của Nguyễn Trãi.</p> <p><i>Về nghệ thuật: Kết hợp với phân tích từng câu thơ, lưu ý các biện pháp: Điệp, Đối, Ẩn dụ, So sánh</i></p>	2.5
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p>	0.25

		Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
		e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.	0.5
Tổng điểm			10.0

CHỦ ĐỀ: TÁC GIA NGUYỄN TRÃI

ĐỀ LUYỆN SỐ 2

Môn: Ngữ văn lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Am trúc hiên mai ngày tháng qua

Thị phi nào đến cõi yên hà.

Bữa ăn dầu có dưa muối

Áo mặc nài chi gấm là

Nước dường cho thanh trì thưởng nguyệt

Đất cày ngô ải lạnh vương hoa.

Trong khi hứng động vừa đêm tuyết

Ngâm được câu thần dạng dạng ca.

(Ngôn chí bài 3 - Nguyễn Trãi – Toàn tập, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 396)

Chú thích:

- Thị phi: lời đồn, những dư luận.
- Cõi yên hà: khói mây, chỉ chốn thanh tịnh, bình yên
- Nài chi: cần gì
- Nước dường: giữ nước ao trong để bóng trăng xuống cho đẹp mà thưởng ngoạn
- Đất cày ngô ải: cày rồi để cho ải, tức để hấp thụ nắng mưa rồi mới trồng trọt.
- Câu thần: câu thơ hay

– Dạng dạng ca: văng vẳng tiếng đàn, hát vang dội.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Thể thơ của bài thơ trên là:

- A. Thất ngôn bát cú Đường luật
- B. Thất ngôn xen lục ngôn
- C. Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật
- D. Thơ trường thiên bảy chữ

Câu 2. Chỉ ra các dòng thơ lục ngôn trong văn bản

- A. Hai câu đề
- B. Hai câu thực
- C. Hai câu luận
- D. Hai câu kết

Câu 3. Từ ngữ thể hiện lối sống giản dị của nhân vật trữ tình trong bài thơ:

- A. Am trúc hiên mai – thị phi
- B. Thanh trì - ải lạnh
- C. Dưa muối – nài chi gấm là
- D. Nước dưỡng – đất cày

Câu 4. Hai câu thơ sau sử dụng những biện pháp tu từ gì?

Nước dưỡng cho thanh trì thưởng nguyệt

Đất cày ngõ ải lạnh vương hoa.

- A. Phép đối - Ẩn dụ
- B. Phép điệp - Ẩn dụ
- C. Nhân hóa - Phép điệp
- D. Ẩn dụ - Nhân hóa

Câu 5. Hai câu thơ sau có thể hiểu như thế nào

Nước dưỡng cho thanh trì thưởng nguyệt

Đất cày ngõ ải lạnh vương hoa.

- A. Giá trị của việc chăm sóc ao nước, đất cày để có thể thưởng trăng và trồng hoa.
- B. Lời khuyên hướng tới các giá trị về tinh thần trong tâm hồn.

C. Khi chúng ta nuôi dưỡng được những ý thức tốt đẹp thì chúng ta sẽ được thưởng thức và hưởng những kết quả tốt đẹp từ những suy nghĩ ấy.

D. Lời khuyên cho thấy được sự cố gắng của con người, càng cố gắng càng có được thành quả như ý.

Câu 6. Hai câu thực cho em hiểu điều gì về cuộc sống của Nguyễn Trãi khi cáo quan về ở ẩn?

Bữa ăn dầu có dưa muối

Áo mặc nài chi gấm là

- A. Cuộc sống giản dị, thanh bạch
- B. Cuộc sống thiếu thốn, khắc khổ
- C. Cuộc sống đầy đủ, sung túc
- D. Cuộc sống lam lũ, cực nhọc.

Câu 7. Dòng nào không nêu lên đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ:

- A. Ngôn ngữ bình dị, tự nhiên
- B. Kết hợp câu lục ngôn với câu thất ngôn
- C. Phép đối của thơ Đường luật được vận dụng hiệu quả
- D. Bài thơ khung cảnh thiên nhiên đẹp và tâm trạng nhàn nhã, thanh thản của nhân vật trữ tình.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Nêu bố cục của bài thơ và nội dung từng phần.

Câu 9. Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ đối được sử dụng trong bài thơ.

Câu 10. Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày quan điểm của em về một bài học em rút ra được từ nội dung bài thơ.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Dựa vào nội dung của văn bản trên và những hiểu biết về thơ văn Nguyễn Trãi, em hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá bài thơ “Ngôn chí bài 3” của Nguyễn Trãi

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm

I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	B	0.5
	2	B	0.5
	3	C	0.5
	4	A	0.5
	5	C	0.5
	6	A	0.5
	7	D	0.5
	8	<p>Bố cục của bài thơ và nội dung từng phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai câu đề: Cuộc sống ẩn dật bình yên chốn thôn quê; - Hai câu thực: Sự thanh bạch, giản dị trong cách ăn, mặc. - Hai câu luận: Những thú vui di dưỡng tinh thần - Hai câu kết: Cảm hứng đến, Nguyễn Trãi cất bút làm thơ. 	0.5
	9	<p>- Nghệ thuật đối xuất hiện trong hai câu thực và hai câu luận:</p> <p>Bữa ăn >< Áo mặc; dầu có >< nài chi; dưa muối >< gấm là.</p> <p>Nước dưỡng >< Đất cày; cho thanh >< ngõ ải; trì thưởng nguyệt >< lãnh ương hoa.</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Nhấn mạnh cuộc sống giản dị, thanh bạch của Nguyễn Trãi khi về ở ẩn tại quê nhà: Không cầu kì trong ăn uống, tạo những thú vui nuôi dưỡng tinh thần.</p> <p>+ Tạo sự cân xứng, hài hòa cho lời thơ.</p>	1.0
	10	<p>Học sinh đưa ra suy nghĩ của mình. Gợi ý:</p> <p>Bài học ý nghĩa nhất đối với em được rút ra từ văn bản trên đó chính là sự giản dị trong lối sống. Đôi khi, sự giản dị ấy đem đến cho chúng ta sự thanh bình, giúp chúng ta quên đi những muộn phiền ngoài kia, thanh lọc tâm hồn và giúp mỗi người đạt được những ước muốn, kết quả tốt đẹp hơn</p>	1.0

		trong cuộc sống.	
II	VIẾT		4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Phân tích nội dung và nghệ thuật trong bài thơ Ngôn chí bài 3	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được tác giả, tác phẩm và các nét đặc sắc trong bài thơ - Sau đây là một hướng gợi ý: <i>Về nội dung: Phân tích theo bố cục Đề - Thực – Luận – Kết sau đó chỉ ra ý nghĩa của bài thơ</i> + <i>Am trúc hiên mai ngày tháng qua</i> <i>Thị phi nào đến cõi yên hà.</i> Không gian sống yên bình, thanh tĩnh với hình ảnh của mái hiên và cây mai. Không gian tách hẳn sự ồn ào, xô bồ của thế giới náo nhiệt bên ngoài. Những đám tiếu, dị nghị của thiên hạ không thể đến được chốn ở của nhà thơ → Nhà thơ sống ở chốn thanh tĩnh, cách xa cuộc sống xô bồ, bỏ lại bên ngoài những thứ thị phi, đúng sai, phải trái của người đời. + <i>Bữa ăn dầu có dưa muối</i> <i>Áo mặc nài chi gấm là</i> Hài lòng với cuộc sống giản đơn, không màng đến vinh hoa phú quý, đồ ăn, quần áo hàng ngày giản đơn + <i>Nước dưỡng cho thanh trì thưởng nguyệt</i> <i>Đất cày ngô ái lạnh vương hoa.</i> + "nguyệt": trong thơ ca cổ, ánh trăng thường gợi ra vẻ nên thơ, trữ tình, là nguồn cảm hứng bất tận để lòng người bật ra ý thơ. Câu thơ "nước dưỡng cho thanh, trì thưởng nguyệt": bóng trăng in xuống mặt nước trong xanh.	2.5

	<p>+ "Đất cày ngõ ải, lãnh ương hoa": đất đã được cày cuốc, vun xới và phơi nắng nên rất khô, toai, bờ. Đây là môi trường sống thuận lợi của cỏ cây. Đất ươm mầm những loài hoa và giúp hoa tỏa hương thơm ngát.</p> <p>+ <i>Trong khi hứng động vừa đêm tuyết</i></p> <p><i>Ngâm được câu thần dặng dặng ca.</i></p> <p>+ "Trong khi hứng động vừa đêm tuyết": Cảm hứng được khơi dậy vào đêm tuyết.</p> <p>+ "Ngâm được câu thần dặng dặng ca": cảm xúc tràn đầy, cất tiếng ngâm ca.</p> <p><i>Về nghệ thuật: Kết hợp với phân tích từng câu thơ, lưu ý các biện pháp: Đối, Ẩn dụ</i></p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0.25
	<p><i>e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.</i></p>	0.5
Tổng điểm		10.0

CHỦ ĐỀ: TÁC GIA NGUYỄN TRÃI**ĐỀ LUYỆN SỐ 3****Môn: Ngữ văn lớp 10**

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**Đọc văn bản sau:**

Công danh đã được hợp về nhàn,

Lành dĩ âu chi thế nghị khen.

Ao cạn vớt bèo cấy muống,

Đìa thanh phát cỏ ương sen.

Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc,

Thuyền chở yên hà nặng vạy then.

Bui có một lòng trung lẫn hiếu,

Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen

(Thuật hứng 24 – Nguyễn Trãi, Trích Luận đề về Nguyễn Trãi, NXB Thanh Niên, 2003, tr.87)

Chú thích:

- Hợp: Đáng, nên

- Yên hà: Khói sông

- Bui: duy, chỉ có

- Chẳng: chẳng, không.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Thể thơ của bài thơ trên là:

- A. Thất ngôn bát cú Đường luật
- B. Thất ngôn xen lục ngôn
- C. Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật
- D. Thơ trường thiên bảy chữ

Câu 2. Trong hai câu thơ đầu, tác giả đã nêu lí do “về nhàn” của mình là:

- A. Hết nhiệm kì làm quan và về hưu.
- B. Đã đạt được công danh và muốn về hưu dưỡng già.
- C. Không còn quan tâm đến việc được, mất, khen, chê ở đời.
- D. Sống ẩn dật như thiền sư

Câu 3. Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu luận

Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc,

Thuyền chở yên hà nặng vạy then.

- A. Đối – Phóng đại
- B. Đối – Phóng đại – Nhân hóa
- C. Đối – Nhân hóa
- D. Đối – Nhân hóa - Ẩn dụ

Câu 4. Hai câu thơ sau sử dụng những biện pháp tu từ gì?

Ao cạn vớt bèo cấy muống

Đĩa thanh phát cỏ ương sen

- A. Phép đối – Liệt kê
- B. Phép điệp - Ẩn dụ
- C. Phép đối - Ẩn dụ
- D. Phép điệp – Liệt kê

Câu 5. Chữ “công danh” trong câu thơ “Công danh đã được hợp về nhàn” được hiểu theo nghĩa nào?

- A. Công cuộc cứu nước.
- B. Vì nước vì dân.
- C. Sự nghiệp và danh tiếng.
- D. Đỉnh cao danh vọng.

Câu 6. Hai câu thơ sau đã thể hiện thái độ và quan niệm về cuộc sống của Nguyễn Trãi như thế nào?

Công danh đã được hợp về nhàn

Lành dừ âu chi thế nghị khen

- A. Yêu thích, hài lòng với cuộc sống an nhàn, bình dị ẩn dật nơi thôn dã làng quê. Khi đã được công danh nên lui về nhàn không quan tâm đến chuyện được, mất, khen, chê.
- B. Yêu thích, hài lòng với cuộc sống an nhàn, bình dị ẩn dật nơi thôn dã làng quê.
- C. Không bon chen, xô bồ mà hài lòng với cuộc sống dù có thiếu thốn vật chất nhưng giàu có về tinh thần.
- D. Không màng danh lợi mà chỉ quan tâm đến cuộc sống an nhàn, hưởng thụ, tránh xa thị phi.

Câu 7. Dòng nào không nêu lên đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ:

- A. Việt hóa thể thơ Đường luật, sáng tạo thể thơ thất ngôn xen lục ngôn, viết bằng chữ Nôm.
- B. Ngôn ngữ bình dị, mộc mạc, gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân, sử dụng những từ ngữ thuần Việt.
- C. Cách ngắt nhịp linh hoạt, vượt ra khỏi tính quy phạm của thơ Đường luật

D. Bài thơ khung cảnh thiên nhiên đẹp và tâm trạng nhàn nhã, thanh thản của nhân vật trữ tình.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Nêu nội dung chính của bài thơ trên.

Câu 9. Lựa chọn và phân tích cặp thơ đúng với nhận xét: “*Dường như tác giả đã thu nhận tất cả vẻ đẹp thiên nhiên vào làm tài sản riêng của mình, đúng như mơ ước “Túi thơ chứa hết mọi giang san”*”

Câu 10. Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi qua bài thơ trên.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Dựa vào nội dung của văn bản trên và những hiểu biết về thơ văn Nguyễn Trãi, em hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá bài thơ “Thuật hứng bài 24” của Nguyễn Trãi

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	B	0.5
	2	C	0.5
	3	B	0.5
	4	A	0.5
	5	C	0.5
	6	A	0.5
	7	D	0.5
	8	Bài thơ thể hiện sự lựa chọn của Nguyễn Trãi khi lui về ở ẩn, trở về với cuộc sống hòa mình vào thiên nhiên, với công việc đồng ruộng và rời xa chốn quan trường đầy toan tính. Tuy vậy, ẩn sâu trong tâm hồn ông vẫn là tấm lòng luôn hướng về dân về nước. Bài thơ ca ngợi tâm hồn thanh cao, trái tim yêu nước thương dân của Nguyễn Trãi.	0.5
	9	Hai câu luận, HS có thể trình bày được ý tưởng cơ bản:	1.0

		<ul style="list-style-type: none"> ● Lối sống yên bình, làm bạn với gió, trăng. ● Nỗi lo cho đất nước: Lo cho vận mệnh đất nước khi tồn tại bè lũ quan tham, no cho dân, hướng về đất nước ● Sự hối tiếc nhẹ khi không cống hiến toàn bộ tài năng của mình cho đất nước 	
	10	<p>Học sinh đưa ra suy nghĩ của mình. Gợi ý:</p> <p>Qua bài thơ, người đọc có thể nhận thấy vẻ đẹp thanh cao của một con người trọng khí tiết trong Nguyễn Trãi. Bài thơ khiến người đọc thêm yêu mến nhân cách và tấm lòng ông dành trọn cho nhân dân, đất nước.</p>	1.0
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Phân tích nội dung và nghệ thuật trong bài thơ Thuật hứng bài 24	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được tác giả, tác phẩm và các nét đặc sắc trong bài thơ - Sau đây là một hướng gợi ý: Về nội dung: Phân tích theo bố cục Đề - Thực – Luận – Kết sau đó chỉ ra ý nghĩa của bài thơ + Hai câu thơ đầu: <ul style="list-style-type: none"> ● Bỏ lại công danh trở về với cuộc sống thanh nhàn ● Công danh: Ai cũng theo đuổi, đạt được và thấy được sự đối nghịch trong đó lại muốn rời bỏ ● Đối với Nguyễn Trãi: Bỏ công danh ở phía sau, trở về quê nhà, lấy thiên nhiên làm bạn, hòa mình vào thiên nhiên với những thú vui + Hai câu thơ tiếp theo:	2.5

	<ul style="list-style-type: none"> ● Những thú vui chốn quê nhà ● Cuộc sống giản dị, khác so với những gì mà Nguyễn Trãi đã có, đã cống hiến, làm những công việc của những người nông dân như vớt bèo, phát cỏ. ● Ăn những món ăn giản dị, không có sơn hào hải vị: Rau muống, ươn sen <p>+ Bốn câu thơ cuối:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Lối sống thanh bạch, nỗi lo cho đất nước ● Lối sống yên bình, làm bạn với gió, trăng ● Nỗi lo cho đất nước: Lo cho vận mệnh đất nước khi tồn tại bề lũ quan tham, no cho dân, hướng về đất nước ● Sự hối tiếc nhẹ khi không cống hiến toàn bộ tài năng của mình cho đất nước <p><i>Về nghệ thuật: Kết hợp với phân tích từng câu thơ, lưu ý các biện pháp: Đối, Ẩn dụ</i></p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0.25
	<p><i>e. Sáng tạo: Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.</i></p>	0.5
Tổng điểm		10.0

CHỦ ĐỀ: TÁC GIA NGUYỄN TRÃI

ĐỀ LUYỆN SỐ 4

Môn: Ngữ văn lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Thư dụ (tướng sĩ trong) thành Xương Giang

(Trích Quân trung từ mệnh tập)

(1) *Ta nghe: (đối với) đạo quân nhân nghĩa, kẻ nào thuận đức thì sống, kẻ nào trái đức thì chết. Vì người cầm quân ấy giữ việc đánh giết, nắm quyền sống chết: khi thì khoan hồng như khí dương, khi thì thảm khốc như khí âm, đều tuân theo lẽ phải của Trời, không thể theo ý riêng mình được. Nay các ông bằng một nghìn quân, một mình trợ trợ. Đã đến hơn một năm nay, tin tức không thông, mà tự cậy là thành cao hào sâu, có khác gì người mù không sợ cái chết, không biết tự liệu sức mình.*

(2) *Kể ra, thời có khi thịnh khi suy, thế có kẻ mạnh, kẻ yếu; cũng là lẽ trời lòng người, thuận hay nghịch, hướng theo hay trái ngược. Nếu chỉ khăng khăng câu nệ và kiến thức hẹp hòi, cam lòng chịu lấy tai vạ, thì cũng đáng thương lắm. Vì thế mà tính mạng của mấy vạn đàn ông, đàn bà ở trong thành, đều bị các ông lừa dối làm hại, làm cho bọn người không tội một mai bị chết. Cho nên ta không ngại nói đi nói lại, lại sai người đến nơi dụ bảo.*

(3) *Nếu các ông biết tính ngộ thì không những người cả ở trong thành ấy nhờ đó được an toàn; cả sự giàu sang của các ông cũng có thể giữ được lâu dài, mà đức hiếu sinh của thượng đế cũng thấm khắp đến lòng dân. Nếu không thế thì giữa người thuận đức với kẻ trái đức, tất có một kẻ sống một kẻ chết. Đó là lẽ tất nhiên. Ta có thể tự theo ý riêng mình sao được! Các ông nên mau mau mở cửa thành, cởi áo giáp cùng ta hòa giải. Ta nếu trái lời giao ước tất nhiên trời chẳng dung cho, nếu các ông cứ chấp mê, ta tất không tha thứ.*

(4) *Nay hãy tạm lấy một việc trước mắt, bày tỏ từng việc cho các ông nghe: các thành Tân Bình, Thuận Hóa, Nghệ An, Diễn Châu, Tam Đái, Thị Kiều, Tiền Vệ đều may biết thời thế, hiểu quyền biến, chuyển họa làm phúc, để cho người trong các thành ấy có đến hơn 56.000 người đều được an toàn. Duy có một thành Khâu Ôn không hiểu sự biến, bo bo giữ kiến thức nhỏ, để cho người trong một thành ngọc đá đều bị thiêu cháy, há chẳng đáng xót thương! Các ông nên nghĩ, chớ để hối hận về sau!*

(Trích Nguyễn Trãi toàn tập, Viện Sử học, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại:

- | | |
|---------------------|---------------------------|
| A. Thơ ca | B. Văn chính luận |
| C. Nghị luận xã hội | D. Thất ngôn xen lục ngôn |

Câu 2. Câu văn nào thể hiện được luận đề của văn bản:

A. (đối với) đạo quân nhân nghĩa, kẻ nào thuận đức thì sống, kẻ nào trái đức thì chết. Vì người cầm quân ấy giữ việc đánh giết, nắm quyền sống chết: khi thì khoan hồng như khí dương, khi thì thâm khắc như khí âm, đều tuân theo lẽ phải của Trời, không thể theo ý riêng mình được.

B. Kể ra, thời có khi thịnh khi suy, thế có kẻ mạnh, kẻ yếu; cũng là lẽ trời lòng người, thuận hay nghịch, hướng theo hay trái ngược. Nếu chỉ khẳng khăng câu nệ và kiến thức hẹp hòi, cam lòng chịu lấy tai vạ, thì cũng đáng thương lắm

C. Nếu các ông biết tính ngộ thì không những người cả ở trong thành ấy nhờ đó được an toàn; cả sự giàu sang của các ông cũng có thể giữ được lâu dài, mà đức hiếu sinh của thượng đế cũng thấm khắp đến lòng dân. Nếu không thế thì giữa người thuận đức với kẻ trái đức, tất có một kẻ sống một kẻ chết. Đó là lẽ tất nhiên

D. Vì thế mà tính mạng của mấy vạn dân ông, đàn bà ở trong thành, đều bị các ông lừa dối làm hại, làm cho bọn người không tội một mai bị chết. Cho nên ta không ngại nói đi nói lại, lại sai người đến nơi dụ bảo.

Câu 3. Đề nêu dẫn chứng thực tiễn cho luận đề, Nguyễn Trãi đã đề cập đến vấn đề gì?

A. Quân giặc khẳng khăng muốn chiến đấu để bảo vệ danh dự

B. Quân giặc chỉ còn một nghìn quân, ở thế trợ trợ và lại khẳng khăng muốn giữ thói câu nệ, cố thủ

C. Quân giặc sức cùng lực kiệt, thiếu lương thực và không thức thời.

D. Quân giặc sức cùng lực kiệt, quân sĩ yếu kém, lừa dối lòng người, khẳng khăng muốn cố thủ tại thành.

Câu 4. Đoạn nào thể hiện được lời khuyên (dụ) của Nguyễn Trãi dành cho quân giặc ở thành Xương Giang?

A. Đoạn (1)

B. Đoạn (3)

C. Đoạn (2)

D. Đoạn (4)

Câu 5. Mục đích của Nguyễn Trãi khi viết câu văn “*Các thành Tân Bình, Thuận Hóa, Nghệ An, Diễn Châu, Tam Đái, Thị Kiều, Tiền Vệ đều may biết thời thế, hiểu quyền biến, chuyển họa làm phúc, để cho người trong các thành ấy có đến hơn 56.000 người đều được an toàn*” là gì?

A. Liệt kê sức mạnh của quân Tây Sơn đã thu phục được rất nhiều các thành

- B. Liệt kê sức mạnh của quân Tây Sơn đã giành thắng lợi liên tiếp và thể hiện ân nghĩa đối với người dân trong thành.
- C. Khuyên nhủ thành Khâu Ôn lấy tấm gương của các thành đã đầu hàng, chuyển họa thành phúc để bảo toàn tính mạng cho mọi người.
- D. Tỏ rõ sức mạnh quân sự đánh đâu thắng đó của quân Tây Sơn đối với thành Khâu Ôn.

Câu 6. Nguyễn Trãi đã nêu ra những lợi ích của việc “Nếu các ông biết tỉnh ngộ” (Đầu hàng) là gì? thì

- A. Đức hiếu sinh của thượng đế cũng thấm khắp đến lòng dân.
- B. Bảo toàn lực lượng và tính mạng cho hơn 56.000 người.
- C. Không những người cả ở trong thành ấy nhờ đó được an toàn; cả sự giàu sang của các ông cũng có thể giữ được lâu dài.
- D. Không những người cả ở trong thành ấy nhờ đó được an toàn; cả sự giàu sang của các ông cũng có thể giữ được lâu dài, mà đức hiếu sinh của thượng đế cũng thấm khắp đến lòng dân.

Câu 7: Mục đích của Nguyễn Trãi khi viết “Thư dụ (tướng sĩ trong) thành Xương Giang” là gì?

- A. Hòa giải chiến tranh, bảo toàn lực lượng và an toàn đôi bên, mở đường hiếu sinh cho kẻ giặc.
- B. Thể hiện sức mạnh chiến đấu của quân Tây Sơn.
- C. Dè dọa, thách thức kẻ thù ngông cuồng rằng chúng sẽ không có chỗ dung thân.
- D. Thể hiện tài năng quân sự của Nguyễn Trãi.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Em hãy nêu sơ đồ bố cục nội dung của bài chính luận “Thư dụ (tướng sĩ trong) thành Xương Giang”.

Câu 9. Nhận xét về giọng điệu của Nguyễn Trãi trong văn bản “Thư dụ (tướng sĩ trong) thành Xương Giang”.

Câu 10. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) trình bày những cảm nhận của em về về tư tưởng của Nguyễn Trãi: *Ta nghe: (đối với) đạo quân nhân nghĩa, kẻ nào thuận đức thì sống, kẻ nào trái đức thì chết. Vì người cầm quân ấy giữ việc đánh giết, nắm quyền sống chết: khi thì khoan hồng như khí dương, khi thì thâm khắc như khí âm, đều tuân theo lẽ phải của*

Trời, không thể theo ý riêng mình được. Từ đó, trình bày suy nghĩ của mình về vai trò của người lãnh đạo nói chung.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết một bài văn nghị luận phân tích, đánh giá nghệ thuật lập luận và tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi qua văn bản “*Thư dụ (tướng sĩ trong) thành Xương Giang*”

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	B	0.5
	2	A	0.5
	3	B	0.5
	4	B	0.5
	5	C	0.5
	6	D	0.5
	7	A	0.5
	8	Học sinh có thể sáng tạo sơ đồ theo nhiều cách, tuy nhiên cần đảm bảo các nội dung chính sau - Đoạn (1) Nêu luận đề chính nghĩa và thực tiễn việc làm sai trái của kẻ địch - Đoạn (2) Chỉ ra những điều hại khi kẻ giặc không đầu hàng - Đoạn (3) Chỉ ra những điều lợi khi kẻ giặc đầu hàng - Đoạn (4) Lấy minh chứng thực tiễn để khuyên nhủ (dụ) giặc đầu hàng lấy đại cục làm trọng.	0.5
	9	Nhận xét giọng điệu: - Cứng rắn, quyết đoán, chỉ trích thẳng thắn những bảo thủ câu nệ của kẻ thù - Nhẹ nhàng, đưa ra tình lí để khuyên răn kẻ thù giảng hòa trong hòa bình	0.5

	<p>10</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trình bày được những suy nghĩ về luận đề được nói đến trong văn bản - Học sinh trình bày được một số yếu tố quan trọng của người lãnh đạo. <p><i>Sau đây là một số gợi ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa luận điểm: Người lãnh đạo, cầm quân biết lấy đại cục làm trọng, cần tuân theo lẽ phải của Trời, không thể theo ý mình mà làm. - Người lãnh đạo: <ul style="list-style-type: none"> + Biết hi sinh + Biết lấy đại cục làm trọng và nghĩ cho người khác + Biết bảo toàn tính mạng của mọi người, không độc đoán chuyên quyền. 	1.5
II	<p>VIẾT</p>	4.0
	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học.</i></p>	0.25
	<p><i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i></p> <p><i>Phân tích, đánh giá: Nghệ thuật lập luận và Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi</i></p>	0.5
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i></p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.</p> <p><i>Sau đây là một hướng gợi ý:</i></p> <p>1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu nội dung cần phân tích, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả Nguyễn Trãi: Sự nghiệp văn chính luận - Quân trung từ mệnh tập - Hoàn cảnh ra đời của văn bản và mục đích <p>2. Phân tích, đánh giá nghệ thuật lập luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục lập luận 	2.5

	<p>+ Đoạn (1) Nêu luận đề chính nghĩa và thực tiễn việc làm sai trái của kẻ địch</p> <p>+ Đoạn (2) Chỉ ra những điều hại khi kẻ giặc không đầu hàng</p> <p>+ Đoạn (3) Chỉ ra những điều lợi khi kẻ giặc đầu hàng lu</p> <p>+ Đoạn (4) Lấy mình chứng thực tiễn để khuyên nhủ (dụ) giặc đầu hàng lấy đại cục làm trọng.</p> <p>- Nhận xét về luận điểm: Người lãnh đạo, cầm quân biết lấy đại cục làm trọng, cần tuân theo lẽ phải của Trời, không thể theo ý mình mà làm.</p> <p>- Nhận xét về hệ thống luận cứ (lí lẽ và dẫn chứng)</p> <p>+ Lí lẽ xác thực, rõ ràng, có điểm nhấn, quan hệ nhân quả.</p> <p>+ Dẫn chứng thực tiễn, cụ thể, chỉ rõ được cái lợi cái hại mà kẻ thù sẽ đối mặt</p> <p>- Giọng điệu: Đan thép vừa hài hòa, mang tính chất khuyên nhủ</p> <p>3. Phân tích, đánh giá tư tưởng nhân nghĩa</p> <p>- Hòa giải bằng hòa bình, giảng hòa</p> <p>- Mở đường hiếu sinh, không đuổi cùng giết tận</p> <p>4. Khẳng định lại một cách khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật và giá trị tư tưởng của văn bản</p>	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0.25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.</p>	0.5
Tổng điểm		10.0

CHỦ ĐỀ: TÁC GIA NGUYỄN TRÃI

ĐỀ LUYỆN SỐ 4

Môn: Ngữ văn lớp 10

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Lại thư cho Vương Thông

(Nguyễn Trãi)

Tôi nghe: Múc một gáo nước, biển cả không vì thế mà vơi; thêm một gáo nước, biển cả không vì thế mà đầy. Cho nên người dùng binh giỏi không lấy sự thắng nhỏ mà mừng, không lấy sự thua to mà sợ. Nay các ông lấy tàn tốt vài nghìn, giữ một thành trơ trọi, lương sắp hết và viện chưa thấy đến, chúng lia lòng mà quân ngày ít đi, cái thế mạnh yếu được thua, có thể ngồi mà tính được. Huống hồ nước An – nam binh tướng thì nhiều, tâm lực đều nhau, chiến khí càng tinh, sĩ khí càng mạnh, kẻ sĩ trí mưu, các tướng sĩ vũ dũng, chẳng khác cây rừng rậm rạp, răng lược khít nhau vậy. Các ông có thắng một trận nhỏ cũng không thấy là mạnh; mà ta có thua một trận nhỏ cũng không thấy là yếu.

Vừa rồi mấy người kì tướng của ta, tuổi trẻ tính ngông, không theo ước thúc, khinh chiến lược, các ông lấy thế làm đặc chí. Nay đem những tướng hiệu ở các nơi Tân Bình, Thuận Hóa, Diễn, Nghệ cùng ở các sở Tiền Vệ, Tam Giang, Xương Giang, Trần Di ⁽¹⁾ và Thái đô đốc cùng các quan Tam ty ⁽²⁾ chỉ huy, thiên bách hộ, ước hơn vài trăm người, quân nhân một vạn vài nghìn người, trai gái lớn nhỏ hơn ba vạn người bị các ông làm lầm lỡ, mà so với vài người tỳ tướng của ta, thì ai hơn ai kém, ai được ai thua? Thế mà ông không hề lấy thế làm lo, lại còn giương vây nói mẽ, có khác gì nhà đương cháy mà chim én còn nhon nhon vui vẻ cùng nhau, há chẳng đáng cười lắm sao! Và nay ở miền Lưỡng

Quảng nghe tin quân ta thừa thắng ruổi dài, bọn đạo tặc đã nhân dịp mà trỗi dậy. Tích Lịch đại vương⁽³⁾ đã giữ đất xưng đế, mà binh tượng của ta ngày đêm tiến đánh, Bằng tường⁽⁴⁾ Long Châu⁽⁵⁾ ta đều lấy được. Nay ông vẫn còn ngày ngày mong đợi viện binh mà nói phao là viện binh sắp đến, thì có khác gì trong mộng nói chuyện mộng không? Lại càng đáng cười lắm!

Ngày trước Thái đô đốc và các chỉ huy thiên vạn hộ⁽⁶⁾ cùng các quan phủ huyện châu có bảo tôi đem sự lý trong tờ chiếu của Thái tôn hoàng đế cho lập họ Trần để vào Kinh⁽⁷⁾ mà tâu bày và tố cáo việc quan Tổng binh không biết trấn thủ Nam phương⁽⁸⁾ lại theo kế của người khác, tự gửi văn thư đi thu binh mã các vệ giả làm giảng hòa rồi thì bội ước để đến nỗi bọn ấy nhao nhao kêu la thất sở. Song tôi nghĩ cứ tờ tâu ngày trước bắt được thì thấy tổng binh đại nhân thực có lòng thành, chỉ vì bọn họ Phương họ Mã làm mê hoặc mới nên nổi thế. Bởi vậy lời bàn ấy chưa quyết. Nếu ngài nay lại biết theo lời ước cũ, thì nên cho quân về ngay, cùng hòa giải với Thái đô đốc, vừa để thoát khổ can qua cho cho hai nước, vừa để giải mối oán bị bán rẻ của Thái công. Như thế thì trọn quân mà khỏi họa, há chẳng hay sao!

Nhược bằng cứ chấp mê mà giữ đến chết không biết biến thông thì cũng như câu Đường Thái Tôn bảo “tận trung vô ích” (hết trung không ích gì) vậy. Vả kẻ đại trượng phu làm việc nên phải lối lạc đường hoàng.

Ngài muốn đánh thủy, thì nên bày hết chiến thuyền ở trên sông để quyết tử chiến, muốn đánh bộ thì nên xuất hết binh mã ra đồng rộng để quyết sống mái trong một hai ngày, không nên chúi ở xó thành, chọt ra chọt vào, cướp lấy củi cỏ, cho thế là đắc sách. Như thế là việc làm của đàn bà con gái, không phải là việc làm của bậc đại trượng phu!

(Trích Lại thư dụ Vương Thông, Nguyễn Trãi toàn tập, Viện Sử học, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội)

Chú thích:

⁽¹⁾: Vệ Trần – di đóng ở ải Trần- di phủ Lạng Sơn, tức ải Chi Lăng thuộc huyện

Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

⁽²⁾: Tam ty là cơ quan đứng đầu chính quyền đô hộ của nhà Minh ở nước ta

⁽³⁾: Tích – lịch đại vương có lẽ là một thủ lĩnh nông dân khởi nghĩa ở vùng

Lưỡng Quảng

⁽⁴⁾: Bằng Tường thuộc tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), gần biên giới nước ta

⁽⁵⁾: Long Châu thuộc tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), gần biên giới nước ta

⁽⁶⁾: Trong sách in là binh, nhưng có lẽ in nhầm chữ hộ

⁽⁷⁾: Tức là Yên – kinh (Bắc – Kinh), thủ đô của nhà Minh

⁽⁸⁾: Trong sách in là Bắc phương thì không hợp. Chúng tôi chữa lại làm Nam phương.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Văn bản *Lại thư cho Vương Thông* là thuộc sáng tác thuộc thể loại nào?

A. Văn chính luận B. Thơ chữ Hán

C. Thơ Nôm D. Tập thơ Môn hoa mộc

Câu 2. Đối tượng giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp của văn bản trên là:

A. Tướng giặc, khi chúng hung hăng sang xâm chiếm nước ta

B. Tướng giặc, khi chúng dẫn viện binh tới

C. Tướng giặc, khi chúng phản kích và huênh hoang vì chút thắng lợi nhỏ

D. Tướng giặc, khi chúng chuẩn bị mở các cuộc tấn công lớn

Câu 3. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu: “*Mức một gáo nước, biển cả không vì thế mà vui; thêm một gáo nước, biển cả không vì thế mà đầy.*” là:

- A. So sánh, đối lập
- B. Nhân hóa, so sánh
- C. Nói quá, đối lập
- D. Đối lập, ẩn dụ

Câu 4. Dòng nào nói lên mục đích của luận điểm thứ nhất tổng văn bản trên ?

- A. Muốn đánh hầy quyết tử
- B. Nên cho lui quân
- C. Quân giặc đừng vội huênh hoang
- D. Đừng nói về mộng tưởng

Câu 5. Ở luận điểm thứ 2, tác giả dùng thao tác lập luận chính nào?

- A. Thao tác đối sánh
- B. Thao tác phân tích
- C. Thao tác bình luận
- D. Thao tác chứng minh

Câu 6. Câu: “*Mức một gáo nước, biển cả không vì thế mà vui; thêm một gáo nước, biển cả không vì thế mà đầy*” dùng cách nói nào? Nhằm mục đích gì?

- A. Dùng hình ảnh gáo nước khẳng định thắng lợi của quân giặc quá bé nhỏ
- B. Dùng hình ảnh gáo nước, biển cả khẳng định thắng thua vừa rồi là không đáng kể
- C. Dùng nghệ thuật đối lập khẳng định ta chỉ tạm thua
- D. Dùng hình ảnh biển cả để khẳng định quân ta rất mạnh

Câu 7: Mục đích của luận điểm thứ 3 trong văn bản là:

- A. Đừng nói về mộng tưởng không có thật.
- B. Tướng giặc nên cho lui quân về ngay.
- C. Muốn chiến thắng cần phải quyết tử.

D. Quân giặc dừng vội huênh hoang với chiến thắng nhỏ.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện các yêu cầu:

Câu 8. Từ nội dung văn bản “Lại thư cho Vương Thông” em học tập được điều gì cho việc viết văn nghị luận thuyết phục một ai đó thay đổi quyết định của họ?

Câu 9. Phân tích nghệ thuật lập luận của Nguyễn Trãi ở đoạn văn bản sau và chỉ ra vai trò của đoạn đối với mục đích toàn văn bản:

“Ngài muốn đánh thủy, thì nên bày hết chiến thuyền ở trên sông để quyết tử chiến, muốn đánh bộ thì nên xuất hết binh mã ra đồng rộng để quyết sống mái trong một hai ngày, không nên chúi ở xó thành, chọt ra chọt vào, cướp lấy củi cỏ, cho thế là đắc sách. Như thế là việc làm của đàn bà con gái, không phải là việc làm của bậc đại trượng phu!”

Câu 10. Từ văn bản “Lại thư cho Vương Thông” của Nguyễn Trãi đã giúp em nhận thấy những tài năng nào của Nguyễn Trãi? Viết đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) để làm sáng tỏ những tài năng ấy.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận phân tích giá trị của văn bản nghị luận “Lại thư cho Vương Thông” của tác giả Nguyễn Trãi.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	A	0.5
	2	C	0.5
	3	D	0.5
	4	C	0.5
	5	A	0.5
	6	B	0.5
	7	B	0.5
	8	Học sinh đưa ra những kinh nghiệm học tập được về một hình thức, nội dung từ văn bản đọc của tác giả Nguyễn Trãi.	0.5
	9	- Nghệ thuật lập luận:	1.0

		<p>+ Chọn cách tôn trọng đối phương: tùy lựa chọn</p> <p>+ Lòng ghép định hướng thể hiện lòng tự tôn của đối phương bằng lối nói tự trọng của những người cầm quân: quyết tử chiến; quyết sống mái</p> <p>+ Dùng thủ pháp đối lập (quyết chiến lớn lao hành động đánh lên); hình ảnh chú ở xó thành, chọt ra chọt vào, cướp lấy củi cỏ, đàn bà “khích tướng” để đối phương phải tỏ thái độ, hành động</p> <p>- Vai trò của đoạn đối với mục đích toàn văn bản: đoạn này nằm cuối văn bản thể hiện sự nhất quán với toàn văn bản về thái độ đối với tướng giặc: coi thường, mỉa mai...; về mục đích khẳng định: không thể thắng được quân ta, sự thất bại không thể tránh khỏi của kẻ thù;...</p>	
	10	<p>- Học sinh trình bày được những suy nghĩ về tài năng của tác giả Nguyễn Trãi thể hiện trong văn bản.</p> <p>- Học sinh trình bày trong một đoạn văn, có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.</p> <p><i>Sau đây là một số gợi ý:</i></p> <p>- Tài năng của Nguyễn Trãi:</p> <p>+ Về quân sự, chính trị: am hiểu đối phương, thời cuộc, thế trận (lực lượng hiện tại của đôi bên)</p> <p>+ Về văn chương: tài thuyết phục biện luận (sử dụng nhiều thao tác lập luận, lí lẽ sắc bén, lập luận logic; bằng chứng</p>	1.0
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học.</i>	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> <i>Phân tích giá trị của văn bản “Lại thư cho Vương Thông”</i>	0.5
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần giới thiệu được vấn đề cần bàn luận, nêu rõ lí do và quan điểm của bản thân, hệ thống luận điểm chặt chẽ, lập luận thuyết phục, sử dụng dẫn chứng thuyết phục.</p>	2.5

	<p>Sau đây là một hướng gợi ý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu nội dung cần phân tích, đánh giá 2. Phân tích, đánh giá đặc sắc nội dung <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm - Nội dung bức thư: <ul style="list-style-type: none"> + Nhắc nhở giặc đừng vội huênh hoang vì một chiến thắng nhỏ. + Chỉ ra cái thế của quân Minh đang gặp những điều bất lợi. + Chỉ trích và đưa ra lời khuyên tướng giặc nên cho lui quân. <p>→ Bức thư thể hiện niềm tin tất thắng và tinh thần yêu chuộng hoà bình của tác giả.</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Phân tích, đánh giá đặc sắc nghệ thuật <ul style="list-style-type: none"> - Lập luận chặt chẽ, lí lẽ giàu sức thuyết phục - Ngôn ngữ đánh thép. 4. Khẳng định lại một cách khái quát những nét đặc sắc về nội dung, độc đáo về nghệ thuật; khẳng định tài năng của tác giả và nêu ý nghĩa/ giá trị, tác động của tác phẩm với người đọc. 	
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0.25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết có giọng điệu riêng; cách diễn đạt sáng tạo, văn phong trôi chảy.</p>	0.5
Tổng điểm		10.0